

Bản án số: 480/2024/HS-PT

Ngày: 30-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Bà Trần Thị Thương
2. Bà Lê Thị Thương Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 393/2024/HSPT ngày 06 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Đinh Thị Mai L và đồng phạm do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của bị cáo Đinh Thị Mai L và bị cáo Thạch Quan T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 120/2024/HS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Đinh Thị Mai L (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; Sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: 4 S, Phường A, Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: chung cư S1, 3 B, Phường A2, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán quần áo Online; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đinh Quang L2 và bà Nguyễn Thị Xuân L3. Hoàn cảnh gia đình: Chưa có chồng con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 25/9/2023 cho đến nay (có mặt).

2. Thạch Quan T (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1999 tại tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký thường trú: 233 Tổ G, khu phố Đ, thị trấn T5, huyện T5, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Thợ chụp hình; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc:

Khơ me; Tôn giáo: Không; Con ông Thạch Quang T3 (đã chết) và bà Đỗ Thị Kim T4; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 10/6/2024 cho đến nay (có mặt).

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. Nguyễn Trần Quốc T1 (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh năm 2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: T2, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: T2, Phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Q2 và bà Trần Lê Q3; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 25/9/2023 cho đến nay (có mặt).

2. Hoàng Vũ Mỹ N (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ; Sinh năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: : V, Phường V1, Quận V2, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: V, Phường V1, Quận V2, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán online; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông N3 và bà N4; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có chồng, có 01 người con (sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 25/9/2023 cho đến nay (có mặt).

- Người bào chữa:

Luật sư Nguyễn Huỳnh Hữu N5, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, làm việc tại Công ty N6, bào chữa cho bị cáo Hoàng Vũ Mỹ N (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 37 phút ngày 25/9/2023, Đinh Thị Mai L gọi điện thoại rủ Nguyễn Trần Quốc T1, sau đó T1 rủ thêm bạn là Đặng Vũ B1 và vài người bạn khác cùng đến ăn uống tại quán “Ốc M” trên đường M1, Quận D. Trong lúc ăn uống, T1 lại gợi ý L sẽ về căn hộ: B.03.06 chung cư S1, số: B, Phường A2, Quận D, của L thuê (gọi là căn hộ B.03.06) để sử dụng ma túy, thì L đồng ý nên T1 rủ Đặng Vũ B1 và gọi điện thoại rủ thêm Hoàng Vũ Mỹ N đến căn hộ của L để sử dụng ma túy thì N rủ thêm Thạch Quan T cùng đến căn hộ của L sử dụng ma túy.

Sau khi rủ người xong, Mai L gọi điện thoại cho đối tượng “R” ở khu vực B, Quận A, mua một chằm ma túy loại Ketamine, sau đó thuê xe Grab đi qua khu vực Q, Quận Q1, lấy ma túy đem về căn hộ, rồi quay lại quán “Ốc M” tiếp tục ăn uống. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 25/9/2023, L, T1, B1 sau khi ăn uống xong nên cùng về căn hộ của L. Tại căn hộ căn hộ B.03.06, L lấy ba viên thuốc lắc và một gói ma túy loại Ketamine để L, T1 và B1 sử dụng và L tiếp tục đổ ma túy loại Ketamine ra tờ tiền mệnh giá: 1.000 đồng, dùng bật lửa hơ bên

dưới tờ tiền, rồi đổ ra đĩa, dùng thẻ ngân hàng màu đen cà nhuỷễn và kẻ ra thành nhiều đường ma túy, đưa cho T1 và B1 sử dụng.

Đến khoảng 06 giờ cùng ngày (ngày 25/9/2023), Hoàng Vũ Mỹ N và Thạch Quan T đến căn hộ căn hộ B.03.06, L đưa cho N và T 01 viên thuốc lắ, N và T mỗi người sử dụng $\frac{1}{2}$ viên, sau đó cùng sử dụng ma túy loại Ketamine do L đã chuẩn bị sẵn. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày (ngày 25/9/2023) Đặng Vũ B1 đi về nhà, còn lại L, T1, N và T nằm ngủ tại căn hộ.

Đến 18 giờ 25 phút ngày 25/9/2023, Công an Phường A2, Quận D, phát hiện kiểm tra căn hộ căn hộ B.03.06 của L. Qua kiểm tra, Cơ quan công an thu giữ: một tờ tiền mệnh giá: 1000 đồng bị nám đen, một tờ tiền mệnh giá: 20.000 đồng được cuộn tròn, một tờ tiền mệnh giá: 2.000 đồng bị nám đen, 03 tờ tiền mệnh giá: 1.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá: 2.000 đồng, một tờ tiền mệnh giá: 5.000 đồng, 02 tờ tiền mệnh giá: 5.000 đồng, bị nám đen, thùng lỗ, một muổng nhựa màu trắng đã qua sử dụng; 03 bịch nylon bên trong không có gì, một thẻ ngân hàng E bằng nhựa màu đen ghi tên DINH THI MAI L, 02 cân điện tử đã qua sử dụng.

Ngoài ra, Công an còn thu giữ: dưới gầm ghế sofa có một đĩa sứ màu trắng, trên đĩa còn dính bột màu trắng nghi là ma túy; một bịch nylon bên trong có: một gói nylon chứa 12 viên nén màu xám nghi là ma túy, một gói nylon chứa 11 viên nén màu một mặt màu vàng, một mặt màu xanh nghi là ma túy; thu giữ trong ngăn tủ gỗ đặt bên phải giường ngủ có: một tờ tiền mệnh giá: 1.000 đồng được gấp lại, chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy, một gói nylon chứa mảnh vỡ của viên nén màu xanh nghi là ma túy.

Qua giám định, khối lượng ma túy L, T1, B1, N và T còn lại sau khi sử dụng là: 0,0209 gam, loại Ketamine; khối lượng ma túy mà L cất giữ để bán là 12,1565 gam loại MDMA và 0,1373 gam loại Ketamine.

Tại Cơ quan điều tra, Đinh Thị Mai L khai nhận: vào ngày 17/9/2023, L liên lạc với đối tượng “R” ở khu vực Q, Quận Q1 mua 30 viên thuốc lắ, gồm: 15 viên màu xám, 15 viên một mặt màu vàng, một mặt màu xanh, đem về cất giấu tại căn hộ: B.03.06 chung cư S1, số B, Phường A2, Quận D để bán cho người khác, số ma túy còn lại chưa kịp bán thì bị Công an Phường 13, Quận 4 thu giữ khi kiểm tra vào ngày 25/9/2023.

Ngoài ra, khi Công an Phường 13, Quận 4 phát hiện các đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 25/9/2023, thì chính Đinh Thị Mai L, Nguyễn Trần Quốc T1, Thạch Quan T và Hoàng Vũ Mỹ N đều tự khai ra đã từng sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 11/9/2023 (thể hiện tại biên bản phạm tội quả tang lập ngày 25/9/2023, Bút lục 124 -131). Lần sử dụng ma túy vào ngày 11/9/2023, L cung cấp ma túy thuốc lắ, Ketamine cho T1, T và N sử dụng, vài ngày sau khi sử dụng xong ma túy thì L có thông báo cho cho những người đã sử dụng ma túy với số tiền là 2.000.000 đồng/người (trong đó 500.000

đồng là tiền ăn uống, 1.500.000 đồng là tiền sử dụng ma túy) và T1 đã trả phần hùn của T1 là 2.000.000 đồng, còn T đã trả phần hùn của T và trả phần hùn của N tổng cộng là 4.000.000 đồng.

Đối với đối tượng “R” là người bán ma túy cho Đinh Thị Mai L, Cơ quan điều tra không xác minh được lai lịch, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với Đặng Vũ B1 được Nguyễn Trần Quốc T1 rủ đến căn hộ của L sử dụng ma túy ngày 25/9/2023, nhưng quá trình điều tra xác định T1 và L không có bàn bạc thỏa thuận với B1 về việc tổ chức sử dụng ma túy, bản thân B1 sử dụng ma túy cũng không phải hùn để trả tiền, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với B1 về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Đối với Lê Minh T7 là chủ căn hộ: B.03.06 chung cư S1, số: B, Phường A2, Quận D, cho Đinh Thị Mai L thuê nhà để ở, hiện không có mặt tại địa phương, không liên quan đến việc tổ chức sử dụng ma túy, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 120/2024/HS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1) Căn cứ vào điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Đinh Thị Mai L** 07 (B2) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 (Bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc Đinh Thị Mai L chấp hành hình phạt chung của hai tội là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2023.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung Quỹ nhà nước.

2) Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Nguyễn Trần Quốc T1** 07 (B2) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2023.

3) Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Thạch Quan T** 07 (B2) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2024.

4) Căn cứ vào khoản 2 Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Hoàng Vũ Mỹ N 03** (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2023.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 03/10/2024 và ngày 07/10/2024, bị cáo Thạch Quan T và bị cáo Đinh Thị Mai L làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 09/10/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số: 01/KN-VKSQ4, ngày 09/10/2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung kháng nghị đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 120/2024/HS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân Quận 4, đề nghị: tăng hình phạt đối với bị cáo Đinh Thị Mai L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; tăng hình phạt đối bị cáo Nguyễn Trần Quốc T1, bị cáo Thạch Quan T và tuyên phạt bị cáo Hoàng Vũ Mỹ N theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

❖ Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung cáo trạng, bản án sơ thẩm đã thể hiện.

❖ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo Đinh Thị Mai L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo Quốc T1, Quan T, Mỹ N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là có căn cứ, đúng tội danh.

Xét thấy Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của các bị cáo Mai L, Quan T là trong hạn luật định, hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Xét nội dung kháng nghị và nội dung kháng cáo:

- Trong vụ án này, các bị cáo sau khi sử dụng xong ma túy vào sáng ngày 25/9/2023 thì bị Công an Phường 13, Quận 4 phát hiện khi đang nằm ngủ tại căn hộ B.03.06 chung cư SI. Sau đó các bị cáo đã thừa nhận vừa sử dụng xong ma túy và cũng tự khai trước đây từng sử dụng ma túy vào ngày 11/9/2023, nhưng cấp sơ thẩm chưa cho các bị cáo L, T1, T, N được hưởng tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thiếu sót.

- Đối với nội dung kháng nghị về việc áp dụng khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N và tăng hình phạt đối với các bị cáo L, T1, T:

Nhận thấy:

+ Đối với bị cáo N được T1 rủ đến nhà L sử dụng ma túy và hứa trả tiền cho N, từ đó N đã rủ bị cáo T tham gia sử dụng trái phép nên bị cáo N là đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo L trong việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Đối với hành vi tổ chức sử dụng tái phép chất ma túy vào ngày 11/9/2023, bản án hình sự sơ thẩm thống nhất đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo N và nhận định bị cáo N khi sử dụng ma túy vào ngày 11/9/2023 thì bị cáo không được thông báo và cũng không góp tiền (T đã tự góp tiền thay bị cáo), do đó không xác định bị cáo N là đồng phạm trong lần phạm tội này là chưa xem xét toàn diện vụ án và chưa phân tích tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, bởi lẽ bị cáo N biết việc tham gia sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của L là phải trả tiền, việc bị cáo không góp tiền là do được T trả thay nên trong trường hợp này bị cáo N vẫn là đồng phạm. Do đó nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 về bị cáo N là có căn cứ. Tuy nhiên trong vụ án nhận thấy bị cáo N có vai trò thụ động, lần đầu bị cáo tham gia nhưng đã có người khác trả thay tiền sử dụng ma túy cho bị cáo và lần thứ 2 hai bị cáo được T1 hứa trả tiền sử dụng ma túy. Bản thân bị cáo một mình nuôi con nhỏ, gia đình có công với cách mạng và có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (điểm r và điểm s), xét tính chất, vai trò của bị cáo trong vụ án nên đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để giữ nguyên mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù như cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo.

- Đối với nội dung kháng nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo L, T, T1:

Nhận thấy:

+ Bị cáo L thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng ma túy thu giữ tại nhà của bị cáo là 12,1565g ma túy loại MDMA và 0,1373g loại Kentamine, nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Nhưng xét lượng ma túy MDMA thu giữ với mục đích bán và sử dụng của bị cáo gần bằng $\frac{1}{2}$ lượng ma túy định khung cao nhất của hình phạt (30g) và bị cáo sử dụng chỗ ở để mua bán ma túy, như vậy mặc dù có thêm tình tiết giảm nhẹ nhưng mức hình phạt 07 năm tù, đầu khung đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là có phần chưa nghiêm, chưa tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó cần tăng hình phạt đối với hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đối với bị cáo L là có căn cứ. Riêng đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo L, nhận thấy, bị cáo cũng là người nghiện ma túy, tổ chức sử dụng cho người khác cũng để bản thân sử dụng, tuy nhiên trong vụ án bị cáo là người cung cấp ma túy, cung cấp nơi sử dụng, tuy được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo, nhưng mức

án 07 năm tù, đầu khung hình phạt cũng là đã xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

+ Đối với các bị cáo T1, T: nhận thấy các bị cáo là đồng phạm với bị cáo L thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, tuy nhiên xét các bị cáo tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhằm thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, trong đó bị cáo T1 rủ B1, N và N lại rủ T cùng sử dụng ma túy vào ngày 25/9/2023. Cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nay đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Mặc dù có thêm tình tiết giảm nhẹ nhưng mức án 07 năm tù là đầu khung hình phạt nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo.

- Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Thạch Quan T, Đinh Thị Mai L: như đã phân tích trên, thì không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo L, T1, T, N.

- Chấp nhận một phần Kháng nghị số 01 ngày 09/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 4; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, bị cáo L; sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng:

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo N mức án 03 năm 06 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo L từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội, bị cáo L phải chịu là 15 năm 06 tháng đến 16 năm 06 tháng tù.

+ Giữ nguyên mức hình phạt 07 năm tù đối với các bị cáo T1, T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

❖ Các bị cáo không bào chữa, không tranh luận.

❖ Luật sư Nguyễn Huỳnh Hữu N5 trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Hoàng Vũ Mỹ N: Luật sư giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại phiên toà sơ thẩm. Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà phúc thẩm, luật sư N5 đồng ý và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm r, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N.

❖ Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đều thừa nhận hành vi của các bị cáo là sai trái và xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1.1] Vào khoảng 01 giờ 37 phút ngày 25/9/2023, Đinh Thị Mai L gọi điện thoại rủ Nguyễn Trần Quốc T1, sau đó T1 rủ thêm bạn là Đặng Vũ B1 và vài người bạn khác cùng đến ăn uống tại quán “Ốc M” trên đường M1, Quận D. Trong lúc ăn uống, T1 lại gợi ý L sẽ về căn hộ: B.03.06 chung cư S1, số: B, Phường A2, Quận D, của L thuê (gọi là căn hộ B.03.06) để sử dụng ma túy, thì L đồng ý nên T1 rủ Đặng Vũ B1 và gọi điện thoại rủ thêm Hoàng Vũ Mỹ N đến căn hộ của L để sử dụng ma túy thì N rủ thêm Thạch Quan T cùng đến căn hộ của L sử dụng ma túy.

[1.2] Sau khi rủ người về nhà của Mai L sử dụng ma túy, Mai L gọi điện thoại cho đối tượng “R” ở khu vực Q, Quận Q1, mua một chầm ma túy loại Ketamine, sau đó thuê xe Grab đi qua khu vực Q, Quận Q1, lấy ma túy đem về căn hộ, rồi quay lại quán “Ốc M” tiếp tục ăn uống. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 25/9/2023, L, T1, B1 sau khi ăn uống xong nên cùng về căn hộ của L. Tại căn hộ căn hộ B.03.06, L lấy ba viên thuốc lắc và một gói ma túy loại Ketamine để L, T1 và B1 sử dụng và L tiếp tục đổ ma túy loại Ketamine ra tờ tiền mệnh giá: 1.000 đồng, dùng bật lửa hơ bên dưới tờ tiền, rồi đổ ra đĩa, dùng thẻ ngân hàng màu đen cà nhuỷên và kẻ ra thành nhiều đường ma túy, đưa cho T1 và B1 sử dụng.

[1.3] Vào khoảng 06 giờ cùng ngày (ngày 25/9/2023), Thạch Quan T và Hoàng Vũ Mỹ N đến căn hộ: B.03.06. Tại căn hộ, L đưa cho T và N 01 viên thuốc lắc thì T và N mỗi người sử dụng $\frac{1}{2}$ viên, sau đó cùng sử dụng ma túy loại Ketamine do L đã chuẩn bị sẵn. Đến khoảng 13 giờ ngày cùng ngày (ngày 25/9/2023), B1 đi về nhà, còn lại L, T1, T và N nằm ngủ tại căn hộ. Đến khoảng 18 giờ 25 phút ngày 25/9/2023 Công an Phường 13, Quận 4 phát hiện kiểm tra căn hộ của L chỉ thu giữ vật chứng dùng để sử dụng ma túy. Qua giám định, khối lượng ma túy còn lại sau khi cả nhóm sử dụng là: 0,0209 gam, loại Ketamine.

[14] Ngoài ra, Công an còn thu giữ khối lượng ma túy mà L cất giữ trong căn hộ B.03.06 để bán lại cho người khác, qua giám định có tổng khối lượng là: 12,1565 gam loại MDMA và 0,1373 gam loại Ketamine.

[1.5] Bên cạnh đó, khi Công an Phường 13, Quận 4 phát hiện các đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 25/9/2023, thì chính Đinh Thị Mai L, Nguyễn Trần Quốc T1, Thạch Quan T và Hoàng Vũ Mỹ N đều tự khai ra đã từng sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 11/9/2023 (thể hiện tại biên bản phạm tội quả tang lập ngày 25/9/2023, Bút lục 124-131). Lần sử dụng ma túy vào ngày 11/9/2023, L cung cấp ma túy thuốc lắc, Ketamine cho T1, T và N sử dụng, vài ngày sau khi sử dụng xong ma túy thì L có thông báo cho cho những

người đã sử dụng ma túy với số tiền là 2.000.000 đồng/người (trong đó 500.000 đồng là tiền ăn uống, 1.500.000 đồng là tiền sử dụng ma túy) và T1 đã trả phần hùn của T1 là 2.000.000 đồng, còn T đã trả phần hùn của T và phần hùn của N tổng cộng là 4.000.000 đồng.

[1.6] Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận bị cáo Đinh Thị Mai L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 và phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo Thạch Quan T và Nguyễn Trần Quốc T1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Hoàng Vũ Mỹ N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2] Ngày 27/9/2024 Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 03/10/2024, ngày 07/10/2024, bị cáo Thạch Quan T và bị cáo Đinh Thị Mai L làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đến ngày 09/10/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số: 01/KN-VKSQ4 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 120/2024/HS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân Quận 4, về việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với Hoàng Vũ Mỹ N về tội “Tổ chức trái sử dụng phép chất ma túy” là không có căn cứ, không đúng và đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Đinh Thị Mai L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; tăng hình phạt đối bị cáo Nguyễn Trần Quốc T1, bị cáo Thạch Quan T và tuyên phạt bị cáo Hoàng Vũ Mỹ N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét thấy, đơn kháng cáo của bị cáo và quyết định kháng nghị nêu trên làm trong hạn luật định nên hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Trong vụ án này, ngoài việc xét nội dung kháng cáo, nội dung kháng nghị thì Hội đồng xét xử phúc thẩm còn xem xét các phần khác tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 120/2024/HS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, không bị kháng nghị theo Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3.1] Xét nội dung kháng nghị về việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử Hoàng Vũ Mỹ N về tội “Tổ chức trái sử dụng phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3.1.1] Trong vụ án này, các bị cáo Mai L, Quốc T1, Quan T và Mỹ N đã sử dụng trái phép chất ma túy nhiều lần (vào ngày 11/9/2023 và ngày 25/9/2023).

- Đối với lần sử dụng trái phép chất ma túy ngày 25/9/2023: tất các bị cáo vừa sử dụng xong thì bị Công an bắt quả tang tại căn hộ: B.03.06 chung cư S1,

số: B, Phường A2, Quận D, nên chưa kịp tính tiền để các bị cáo trả phần tiền hùn sử dụng ma túy cho bị cáo L và nội dung này các bị cáo đều thừa nhận.

- Đối với lần sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 11/9/2023: theo biên bản phạm tội quả tang lập ngày 25/9/2023, tất các bị cáo Mai L, Quốc T1, Quan T và Mỹ N đều thừa nhận có sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 11/9/2023. Qua việc lấy lời khai, đối chất, bản tự khai đã thể hiện như sau:

+ Theo biên bản hỏi cung bị can Linh ngày 21/02/2024 (bút lục số 444-445), bị cáo L đã khai “...ngày 11/9/2023, thì tôi, T1, N, T cùng nhau chung ở quán Ố, V, Quận D, nhưng không nhớ rõ trong nhóm ai rủ về căn hộ của tôi sử dụng ma túy, nhưng tôi đồng ý về căn hộ của tôi để sử dụng ma túy ... Tôi không rõ số tiền hùn lại bao nhiêu, nhưng các bạn có đưa tiền hết cho tôi...”;

+ Theo biên bản hỏi cung bị can L vào ngày 04/4/2024 (BL 442 - 443), L đã khai: “...Ngày 11/9/2023, có cùng sử dụng ma túy (thuốc lắc và khay) do tôi cung cấp bỏ ra cả nhóm sử dụng có tôi, N, T1, T. Sau khi sử dụng xong tính tiền hùn lại cho tôi, mỗi người là 2.000.000 đồng ...”;

+ Biên bản ghi lời khai của T vào ngày 25/9/2023 (BL 383 - 384), T đã trình bày: “... tôi (T) biết là khi sử dụng xong sẽ hùn trả tiền lại cho L vì nhiều lần chơi ma túy trước đó, tôi và N đều hùn trả tiền số ma túy đã sử dụng...”;

+ Theo biên bản ghi lời khai của T vào ngày 08/11/2023 (BL 381- 382), T đã trình bày: “... về việc trả tiền sử dụng ma túy, nhưng tôi biết việc góp tiền lại để trả tiền ma túy cho L bởi vì lần trước khi sử dụng xong thì L sẽ tính tổng số tiền rồi nhấn riêng cho từng người. Sau đó sẽ chuyển tiền lại cho L sau...”; “... mỗi người trả cho L khoảng hai triệu đồng, lần gần nhất tôi trả tiền cả phần của tôi và N là khoảng bốn triệu đồng...”;

+ Theo biên bản ghi lời khai của T vào ngày 06/03/2024 (BL 435-436), T đã khai: “...Tôi (T) biết L là người chuẩn bị ma túy cho cả nhóm sử dụng vì lần trước đó sau khi sử dụng ma túy xong thì cả nhóm đã hùn tiền trả lại tiền mua ma túy cho L...”

+ Theo biên bản đối chất giữa T với N ngày 27/9/2023 (BL 323 - 324) N đã trình bày “...Việc trả tiền sử dụng ma túy thì mọi người tự hiểu ngầm với nhau là sau khi sử dụng xong thì sẽ góp tiền trả cho L, do trước đây mọi người đã cùng sử dụng ma túy tại nhà L và đã góp tiền trả cho L rồi. Sự việc sử dụng ma túy tại nhà L ngày 25/9/2023, chưa tính tiền cho L thì Cơ quan Công an kiểm tra phát hiện ...”;

+ Theo biên bản hỏi cung bị can N vào ngày 04/4/2023 (BL 446 - 447), N đã khai: “... sau khi sử dụng xong thì Linh tính tiền mua ma túy sử dụng và chia đều cho những người có mặt tham gia sử dụng ma túy, tôi chỉ nhớ là L có thông báo là mỗi người góp 2.000.000 đồng thì T đã đưa 4.000.000 đồng cả phần của T và tôi cho L rồi...lần thứ hai ngày 25/9/2023 thì T1 rủ tôi trước ...”;

+ Theo biên bản ghi lời khai của N vào ngày 26/9/2023 (BL 369-371), N đã trình bày “... Việc trả tiền sử dụng ma túy thì mọi người tự hiểu ngầm với nhau là sau khi sử dụng xong thì sẽ góp tiền lại trả cho L, do trước đây mọi người đã cùng sử dụng ma túy tại nhà L và đã góp tiền trả cho L rồi. Sự việc sử dụng ma túy tại nhà L ngày 25/9/2023, chưa tính tiền cho L thì Cơ quan Công an kiểm tra phát hiện ...”;

+ Theo biên bản hỏi cung bị can N vào ngày 11/01/2024 (BL 379 - 380), N đã khai “... Tôi và mọi người sử dụng ma túy trước đây tại căn hộ của L và đã góp tiền trả cho L rồi ...”;

+ Theo bản tự khai của N vào ngày 14/12/2023 (BL 174-175), N đã trình bày: “... Việc trả tiền sử dụng ma túy thì mọi người tự hiểu ngầm với nhau là sau khi sử dụng xong thì sẽ góp tiền lại trả cho L, do trước đây mọi người đã cùng sử dụng ma túy tại nhà L và đã góp tiền trả cho L rồi. Sự việc sử dụng ma túy tại nhà L ngày 25/9/2023, chưa tính tiền cho L thì Cơ quan Công an kiểm tra phát hiện ...”.

Như vậy, với kết quả điều tra nêu trên và các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã hoàn toàn có căn cứ xác định: vào ngày 11/9/2023, các bị cáo Mai L, Quốc T1, Quan T và Mỹ N đã cùng ăn uống tại quán ăn trên đường M1, Quận D, sau đó tất cả đã đến căn hộ của bị cáo L tại căn hộ B.03.06 chung cư S1, số: B, Phường A, Quận D cùng sử dụng trái phép chất ma túy và sẽ chia đều tiền ăn uống, chia đều tiền hùn mua ma túy để sử dụng ma túy cho mỗi người tham gia để trả lại cho L sau. Thực tế, M, Quốc T1, Quan T và Mỹ N đã sử dụng ma túy vào ngày 11/9/2023, sau đó L đã tính tiền ăn uống, tiền hùn mua ma túy rồi thông báo cho mỗi người cùng tham gia ăn uống và cùng sử dụng ma túy vào ngày 11/9/2023 với số tiền là 2.000.000 đồng/người (trong đó 500.000 đồng là tiền ăn uống, 1.500.000 đồng là tiền sử dụng ma túy). Việc bị cáo T tự trả phần hùn của N 2.000.000 đồng được thực hiện sau khi các bị cáo đã sử dụng xong ma túy, nên việc bị cáo T trả thay phần hùn của N không loại trừ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy mà bị cáo N đã thực hiện trước đó (vào ngày 11/9/2023).

[3.1.2] Do bị cáo N đã cùng với các bị cáo L, T1, T tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 11/9/2023 và ngày 25/9/2023, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên phạt bị cáo N phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 là chưa chính xác, do đó Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh số: 01/KN-VKSQ4 ngày 09/10/2024 về nội dung nêu trên đối với Hoàng Vũ Mỹ N là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét phúc thẩm chấp nhận một phần của Quyết định kháng nghị và xét xử bị cáo N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” đúng như các điểm, khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo T.

[3.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo L, của bị cáo T và xét kháng nghị đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo T1, T, N.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý về ma túy của Nhà nước và xâm phạm đến sức khỏe của người sử dụng, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội, nên cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử còn xem xét đến vai trò, tính chất của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của các bị cáo.

[3.2.1] Về vai trò của các bị cáo:

- Trong vụ án này, bị cáo L là người nghiện ma túy, cùng các bị cáo T1, T, N tổ chức sử dụng ma túy, nên các bị cáo đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” như Tòa án cấp sơ thẩm đã kết luận ở trên. Bản thân bị cáo L sử dụng căn hộ của L thuê làm nơi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, L là người cung cấp ma túy, cả ma túy cho các bị cáo khác sử dụng nên bị cáo L có vai trò cao nhất trong nhóm.

- Bị cáo T1 là người gợi ý với bị cáo L về việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 25/9/2023, T1 cũng là người rủ B1 đến sử dụng ma túy và chính T1 là người điện thoại rủ N đến sử dụng ma túy; còn bị cáo N là người rủ bị cáo T cùng sử dụng ma túy vào ngày 25/9/2023, nhưng trước đó chính T lại là người trả tiền hùn phần của bị cáo N vào ngày 11/9/2023 nên các bị cáo T1, T, N vai trò thấp hơn bị cáo L (trong đó bị cáo T1 có vai trò cao hơn bị cáo T và N có vai trò thấp hơn bị cáo T).

Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 để lượng hình đối với các bị cáo đồng phạm.

- Riêng đối với bị cáo L ngoài phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” thì bản thân bị cáo còn cất giữ khối lượng ma túy tại căn hộ của bị cáo thuê để bán cho những người khác nên bị cáo L phải chịu trách nhiệm với khối lượng ma túy mà bị cáo cất giữ để bán.

[3.2.2] Về tính chất của hành vi phạm tội: các bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, nhưng bản thân các bị cáo L, T1, T, N là người nghiện ma túy, cùng tự tổ chức sử dụng ma túy để thỏa mãn cơn nghiện chứ không phải tổ chức cho người khác sử dụng ma túy nhằm hưởng lợi nên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm còn lưu ý tính chất của hành vi này để lượng hình.

[3.2.3] Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2.4] Về tình tiết giảm nhẹ:

- Các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo L có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; bố bị cáo L, ông ngoại bị cáo N có công trong sự nghiệp đấu tranh, xây dựng, bảo vệ đất nước được tặng huân chương kháng chiến, bằng khen cấp Nhà nước; bị cáo N là mẹ đơn thân đang nuôi con nhỏ nên cần cho các bị cáo L, T1, N được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo.

- Ngoài các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, khi Công an Phường 13, Quận 4 phát hiện các đối tượng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 25/9/2023, thì chính các bị cáo L, T1, T, N đều cùng tự nguyện khai ra đã từng đến căn hộ của L để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 11/9/2023 (thể hiện tại biên bản phạm tội quả tang lập ngày 25/9/2023), từ lời tự khai này là một trong những căn cứ ban đầu để xác định các bị cáo đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào ngày 11/9/2023, nên hoàn toàn có cơ sở để cho các bị cáo L, T1, T, N được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự thú” theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”). Đối với việc từng bị cáo tự khai ra như trên cũng có phần thể hiện tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng Hội đồng xét xử đã sử dụng tình tiết này để cho các bị cáo được hưởng tình tiết theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Điều này phù hợp với lời đề nghị của Đại diện của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm và cũng khuyến khích người phạm tội tự thú hoặc tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm, trong quá trình giải quyết vụ án để hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

[3.3] Với hành vi phạm tội, vai trò, tính chất của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.3.1] Đối với bị cáo L, mặc dù có nhiều tình tiết giảm nhẹ nêu trên, nhưng khối lượng ma túy mà bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nằm ở gần khoảng giữa quy định trong khung hình phạt, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn ở mức khởi điểm của khung hình phạt (07 năm tù) là có phần hơi nhẹ nên chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Riêng đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo có vai trò cao nhưng bản thân bị cáo lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó đặc biệt có tình tiết giảm nhẹ theo “Người phạm tội tự thú” nên cần giữ nguyên mức

hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo L là tương xứng và phù hợp.

[3.3.2] Đối với các bị cáo T1, T, N có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đặc biệt có tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự thú”, bản thân các bị cáo có vai trò thấp, không hưởng lợi gì nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cân nhắc và áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để lượng hình đối với các bị cáo cho tương xứng với hành phạm tội, vai trò, tính chất của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ. Điều này phù hợp với một phần lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa và còn thể hiện sự khoan hồng đối với người tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo nguyên tắc xử lý quy định tại Điều 3 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị, chấp nhận một phần lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa; chấp nhận một phần lời trình bày của luật sư bào chữa cho bị cáo N; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L và chấp nhận kháng cáo của bị cáo T.

[5] Trong vụ án này bị cáo Linh phạm nhiều tội nên phải tổng hợp hình phạt theo Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Mai L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng; các bị cáo T, T1, N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 345; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021;

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/KN-VKSQ4 ngày 09/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thạch Quan T; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đinh Thị Mai L và sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 251; các điểm a, b khoản 2 Điều 255; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 55; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo **Đinh Thị Mai L** 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 (Bảy) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đinh Thị Mai L chấp hành hình phạt chung của hai tội là 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2023.

Xử phạt bổ sung: bị cáo **Đinh Thị Mai L** phải nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 255; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Trần Quốc T1** 06 (Sáu) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2023.

4. Căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 255; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo **Thạch Quan T** 05 (Năm) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2024.

5. Căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 255; các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo **Hoàng Vũ Mỹ N** 03 (Ba) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/9/2023.

6. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Đinh Thị Mai L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); các bị cáo Nguyễn Trần Quốc T1, Thạch Quan T, Hoàng Vũ Mỹ N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 4; (1)
- P.PC 53- CA TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (4)
- Người bào chữa; (1)
- THA Quận 4; (2)
- TAND Quận 4; (1)
- Công an Quận 4; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (25) (4)

Ngô Ngọc Thắng

